UBND TỈNH THANH HOÁ
TRƯỜNG ĐẠI HỌC HỒNG ĐỨC

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số: 1956 /QĐ-ĐHHĐ

Thanh Hoá, ngày 30 tháng 11 năm 2020

QUYẾT ĐỊNH

Về việc miễn, giảm học phí đối với sinh viên học kỳ I, năm học 2020-2021

HIỆU TRƯỞNG TRƯỜNG ĐẠI HỌC HỒNG ĐỨC

Căn cứ Quyết định số 03/QĐ-HĐT, ngày 24/6/2020 của Hội đồng trường về việc ban hành Quy chế Tổ chức và hoạt động của Trường Đại học Hồng Đức;

Thực hiện Thông báo số 45/TB-ĐHHĐ ngày 14/4/2020 của Hiệu trưởng về việc miễn, giảm học phí cho thí sinh trúng tuyển năm 2020 vào trường Đại học Hồng Đức; Công văn số 158/ĐHHĐ-CT HSSV ngày 15/9/2020 của Hiệu trưởng về việc thực hiện chế độ, chính sách đối với sinh viên năm học 2020-2021.

Xét hồ sơ, danh sách đề nghị của các khoa về việc miễn, giảm học phí học kỳ I năm học 2020-2021 cho sinh viên có tổng điểm 3 môn thuộc tổ hợp xét tuyển đạt từ 21,0 điểm trở lên và đề nghị của ông Trưởng phòng Công tác HSSV.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Chuẩn y danh sách miễn, giảm học phí học kỳ I, năm học 2020-2021 đối với 185 sinh viên, trong đó: miễn học phí 40 sinh viên; giảm 50% học phí 145 sinh viên:

(*có danh sách kèm theo).*

Lý do: Sinh viên có tên ở Điều 1 có tổng điểm 3 môn thuộc tổ hợp xét tuyển vào các ngành đại học Trường Đại học Hồng Đức năm 2020 (chưa bao gồm điểm ưu tiên và khu vực) đạt từ 21,0 điểm trở lên.

Điều 2. Miễn, giảm học phí học kỳ I, năm học 2020-2021 được thực hiện trong 05 tháng (từ tháng 9/2020 đến hết tháng 01/2021).

Điều 3. Quyết định có hiệu lực kể từ ngày ký.

Trưởng các đơn vị có liên quan và sinh viên có tên ở Điều 1 chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

Nơi nhận:
- Sở Tài chính Thanh Hóa;
- Hiệu trưởng, các Phó Hiệu trưởng;
- Chủ tịch Hội đồng trường;
- Như Điều 3;
- Lưu: VT, P. CT HSSV.

KT. HIỆU TRƯỞNG
PHÓ HIỆU TRƯỞNG

Lê Hoằng Bá Huyền

UBND TỈNH THANH HÓA
TRƯỜNG ĐẠI HỌC HỒNG ĐỨC

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

DANH SÁCH SINH VIÊN ĐƯỢC GIAMR 50% HỌC PHÍ HỌC KỲ I, NĂM HỌC 2020-2021
(Ban hành kèm theo QĐ số: 1956/QĐ-ĐHHĐ ngày 30/11/2020 của Hiệu trưởng)

TT	Mã số SV	Họ và	tên	Lớp	Khoa	Tổng điểm 3 môn
1	2069080001	Phạm Thị	Hạnh	K23 ĐH Du lịch	KHXH	23.75
2	2069080002	Nguyễn Thị Huyền	My	K23 ĐH Du lịch	KHXH	23.25
3	2069080003	Phan Văn	Khải	K23 ĐH Du lịch	KHXH	22.00
4	2069080004	Hoàng Thị	Nga	K23 ĐH Du lịch	KHXH	22.50
5	2069080006	Nguyễn Thùy	Nhung	K23 ĐH Du lịch	KHXH	23.75
6	2069080013	Nguyễn Thị	Hương	K23 ĐH Du lịch	KHXH	22.00
7	2069080015	Lê Thị	Quỳnh	K23 ĐH Du lịch	KHXH	21.00
8	2069080016	Bùi Hữu	Khanh	K23 ĐH Du lịch	KHXH	23.00
9	2067020001	Nguyễn Thị Mai	Anh	K23A ĐH NN Anh	Ngoại ngữ	23.10
10	2067020011	Lê Thị Thu	Lan	K23A ĐH NN Anh	Ngoại ngữ	22.80
11	2067020023	Nguyễn Thị	Tám	K23A ĐH NN Anh	Ngoại ngữ	22.70
12	2067020028	Nguyễn Thị	Thùy	K23A ĐH NN Anh	Ngoại ngữ	21.75
13	2067020048	Lê Tiến	Hùng	K23B ĐH NN Anh	Ngoại ngữ	21.70
14	2067020055	Nguyễn Mai	Linh	K23B ĐH NN Anh	Ngoại ngữ	22.85
15	2067020057	Phạm Thu	Loan	K23B ĐH NN Anh	Ngoại ngữ	21.00
16	2067020062	Nguyễn Thị	Phương	K23B ĐH NN Anh	Ngoại ngữ	21.30
17	2067020066	Nguyễn Thị	Thúy	K23B ĐH NN Anh	Ngoại ngữ	23.50
18	2063020011	Lê Minh	Đức	K23 ĐH CNTY	NLNN	21.75
19	2063020018	Trịnh Xuân	Hòa	K23 ĐH CNTY	NLNN	21.40
20	2063020023	Đới Xuân	Linh	K23 ĐH CNTY	NLNN	23.15
21	2063020044	Lê Thị Ngọc	Ánh	K23 ĐH CNTY	NLNN	21.25
22	2061030002	Nguyễn Văn	Ánh	K23 ĐH CNTT	CNTT&TT	23.40
23	2061030009	Nguyễn Thị Thu	Hà	K23 ĐH CNTT	CNTT&TT	21.75
24	2061030017	Vũ Đức	Lâm	K23 ĐH CNTT	CNTT&TT	22.65
25	2061030019	Nguyễn Đại	Lộc	K23 ĐH CNTT	CNTT&TT	21.60
26	2061030024	Phạm Công	Quân	K23 ĐH CNTT	CNTT&TT	21.75
27	2061030026	Lê Xuân	Quang	K23 ĐH CNTT	CNTT&TT	22.65
28	2061030031	Lê Thanh	Tân	K23 ĐH CNTT	CNTT&TT	21.25
29	2061030032	Lê Đình	Thắng	K23 ĐH CNTT	CNTT&TT	23.35
30	2061030038	Trịnh Sỹ	Tuấn	K23 ĐH CNTT	CNTT&TT	22.75
31	2061030097	Bùi Khắc	Hải	K23 ĐH CNTT	CNTT&TT	22.80
32	2068010002	Tống Vân	Anh	K23 ĐH Luật	LLCT-Luật	22.00
33	2068010008	Nguyễn Viết	Huy	K23 ĐH Luật	LLCT-Luật	22.25
34	2068010013	Bùi Đức	Tân	K23 ĐH Luật	LLCT-Luật	21.75

TT	Mã số SV	Họ và	tên	Lớp	Khoa	Tổng điểm 3 môn
35	2068010020	Lê Thị	Xuân	K23 ĐH Luật	LLCT-Luật	22.75
36	2064010003	Lê Quỳnh	Anh	K23A ĐHKT	KT-QTKD	21.75
37	2064010004	Hà Thị Nguyệt	Ánh	K23A ĐHKT	KT-QTKD	22.60
38	2064010006	Đỗ Thị Quỳnh	Chi	K23A ĐHKT	KT-QTKD	21.05
39	2064010007	Nguyễn Kiều	Chinh	K23A ĐHKT	KT-QTKD	22.00
40	2064010008	Hoàng Thị	Diệu	K23A ĐHKT	KT-QTKD	22.80
41	2064010009	Vũ Thị	Duyên	K23A ĐHKT	KT-QTKD	23.35
42	2064010012	Lê Văn	Hải	K23A ĐHKT	KT-QTKD	21.85
43	2064010017	Nguyễn Thị Quỳnh	Hương	K23A ĐHKT	KT-QTKD	21.80
44	2064010019	Lê Thị Mai	Linh	K23A ĐHKT	KT-QTKD	21.25
45	2064010020	Lê Thị Mỹ	Linh	K23A ĐHKT	KT-QTKD	23.65
46	2064010021	Nguyễn Thị	Linh	K23A ĐHKT	KT-QTKD	23.05
47	2064010022	Lê Trần Phương	Linh	K23A ĐHKT	KT-QTKD	22.40
48	2064010024	Phạm Thị	Mai	K23A ĐHKT	KT-QTKD	22.90
49	2064010030	Trịnh Thị Hồng	Nhung	K23A ĐHKT	KT-QTKD	23.45
50	2064010032	Đỗ Minh	Phương	K23A ĐHKT	KT-QTKD	23.25
51	2064010037	Lê Thị	Tâm	K23A ĐHKT	KT-QTKD	21.55
52	2064010038	Đào Thị Minh	Phương	K23A ĐHKT	KT-QTKD	23.70
53	2064010044	Lê Thị Quỳnh	Trang	K23A ĐHKT	KT-QTKD	23.20
54	2064010046	Lâm Thị	Trang	K23A ĐHKT	KT-QTKD	22.30
55	2064010051	Nguyễn Tường	Vi	K23A ĐHKT	KT-QTKD	22.95
56	2064010053	Hà Thị Hoài	Anh	K23B ĐHKT	KT-QTKD	21.95
57	2064010054	Lại Thị Tuyết	Anh	K23B ĐHKT	KT-QTKD	23.10
58	2064010057	Lê Thị	Bình	K23B ĐHKT	KT-QTKD	22.70
59	2064010058	Hoàng Linh	Chi	K23B ĐHKT	KT-QTKD	22.30
60	2064010061	Lê Thị Thùy	Dương	K23B ĐHKT	KT-QTKD	23.10
61	2064010067	Lê Thị	Hưng	K23B ĐHKT	KT-QTKD	21.00
62	2064010072	Nguyễn Thị	Linh	K23B ĐHKT	KT-QTKD	21.20
63	2064010076	Đặng Thị Hồng	Ngân	K23B ĐHKT	KT-QTKD	22.25
64	2064010077	Trần Thị Hồng	Ngọc	K23B ĐHKT	KT-QTKD	23.85
65	2064010079	Phạm Thị	Nhâm	K23B ĐHKT	KT-QTKD	23.20
66	2064010084	Lê Thị	Phương	K23B ĐHKT	KT-QTKD	22.20
67	2064010085	Ngô Thị Mai	Phương	K23B ĐHKT	KT-QTKD	22.05
68	2064010087	Lê Thị	Quỳnh	K23B ĐHKT	KT-QTKD	22.30
69	2064010088	Trịnh Thị Như	Quỳnh	K23B ĐHKT	KT-QTKD	21.85
70	2064010093	Lê Thị	Tình	K23B ĐHKT	KT-QTKD	23.55
71	2064010095	Hoàng Thị Quỳnh	Trang	K23B ĐHKT	KT-QTKD	22.40
72	2064010100	Nguyễn Kim	Tuyến	K23B ĐHKT	KT-QTKD	21.70
73	2064010102	Phạm Hoàng	Việt	K23B ĐHKT	KT-QTKD	21.60
74	2064010071	Nguyễn Mai	Linh	K23C ĐHKT	KT-QTKD	22.40

TT	Mã số SV	Họ và	tên	Lớp	Khoa	Tổng điểm 3 môn
75	2064010107	Trịnh Thị Huyền	Châm	K23C ĐHKT	KT-QTKD	22.15
76	2064010108	Lưu Lê	Chi	K23C ĐHKT	KT-QTKD	23.95
77	2064010111	Phan Thùy	Dương	K23C ĐHKT	KT-QTKD	22.65
78	2064010116	Lê Xuân Thái	Hoàng	K23C ĐHKT	KT-QTKD	22.70
79	2064010122	Trần Thùy	Linh	K23C ĐHKT	KT-QTKD	22.05
80	2064010123	Lương Thị Diệu	Linh	K23C ĐHKT	KT-QTKD	23.80
81	2064010125	Cao Thị Quỳnh	Nga	K23C ĐHKT	KT-QTKD	22.45
82	2064010126	Trịnh Kim	Ngân	K23C ĐHKT	KT-QTKD	21.25
83	2064010131	Nguyễn Thị Kim	Oanh	K23C ĐHKT	KT-QTKD	23.00
84	2064010133	Nguyễn Thị Thu	Phương	K23C ĐHKT	KT-QTKD	23.70
85	2064010140	Nguyễn Thị Nguyệt	Thu	K23C ĐHKT	KT-QTKD	22.20
86	2064010141	Lê Thị	Thương	K23C ĐHKT	KT-QTKD	22.20
87	2064010144	Lê Hồng	Trang	K23C ĐHKT	KT-QTKD	22.30
88	2064010145	Nguyễn Thị Ngọc	Trang	K23C ĐHKT	KT-QTKD	22.01
89	2064010146	Thiều Huyền	Trang	K23C ĐHKT	KT-QTKD	21.40
90	2064010147	Nguyễn Thị	Trang	K23C ĐHKT	KT-QTKD	22.55
91	2064010149	Ngô Thị	Tuyến	K23C ĐHKT	KT-QTKD	22.15
92	2064010098	Trịnh Thị	Trang	K23C ĐHKT	KT-QTKD	21.95
93	2064010152	Lê Phúc	Anh	K23D ĐHKT	KT-QTKD	21.10
94	2064010155	Hồ Thị Ngọc	Bảo	K23D ĐHKT	KT-QTKD	21.00
95	2064010160	Trịnh Thị	Dung	K23D ĐHKT	KT-QTKD	21.35
96	2064010163	Lê Thị	Hảo	K23D ĐHKT	KT-QTKD	23.55
97	2064010165	Nguyễn Thị	Hồng	K23D ĐHKT	KT-QTKD	22.20
98	2064010167	Lê Thị Khánh	Huyền	K23D ĐHKT	KT-QTKD	22.75
99	2064010169	Lê Thị	Linh	K23D ĐHKT	KT-QTKD	22.35
100	2064010170	Nguyễn Thị	Linh	K23D ĐHKT	KT-QTKD	23.30
101	2064010171	Phùng Mai	Linh	K23D ĐHKT	KT-QTKD	21.95
102	2064010173	Nguyễn Thị Ngọc	Mai	K23D ĐHKT	KT-QTKD	23.35
103	2064010176	Lê Thị Minh	Nguyệt	K23D ĐHKT	KT-QTKD	22.70
104	2064010180	Phan Huyền	Nhung	K23D ĐHKT	KT-QTKD	23.25
105	2064010181	Dương Thị	Phương	K23D ĐHKT	KT-QTKD	22.70
106	2064010183	Tô Thị Hà	Phương	K23D ĐHKT	KT-QTKD	21.50
107	2064010184	Lường Thị	Phượng	K23D ĐHKT	KT-QTKD	21.90
108	2064010189	Phạm Thị	Thơm	K23D ĐHKT	KT-QTKD	22.18
109	2064010194	Nguyễn Thị	Trang	K23D ĐHKT	KT-QTKD	21.15
110	2064010195	Nguyễn Thị Thu	Trang	K23D ĐHKT	KT-QTKD	22.95
111	2064010198	Đặng Thị	Tuyết	K23D ĐHKT	KT-QTKD	22.50
112	2064010199	Hàn Thị Quỳnh	Vân	K23D ĐHKT	KT-QTKD	21.05
113	2064010205	Phạm Phương	Anh	K23D ĐHKT	KT-QTKD	22.05
114	2064020004	Nguyễn Thị Ngọc	Ánh	K23A ĐH QTKD	KT-QTKD	23.90

TT	Mã số SV	Họ và	tên	Lớp	Khoa	Tổng điểm 3 môn
115	2064020013	Đặng Thị Hương	Giang	K23A ĐH QTKD	KT-QTKD	23.45
116	2064020014	Lê Thu	Hà	K23A ĐH QTKD	KT-QTKD	21.80
117	2064020018	Hoàng Thị Ngọc	Hồng	K23A ĐH QTKD	KT-QTKD	22.10
118	2064020019	Vũ Phi	Hùng	K23A ĐH QTKD	KT-QTKD	23.50
119	2064020023	Hoàng Đăng	Khoa	K23A ĐH QTKD	KT-QTKD	21.80
120	2064020024	Nguyễn Thị Mỹ	Lệ	K23A ĐH QTKD	KT-QTKD	21.30
121	2064020025	Phạm Thảo	Linh	K23A ĐH QTKD	KT-QTKD	22.15
122	2064020029	Đặng Thị	Ngọc	K23A ĐH QTKD	KT-QTKD	23.10
123	2064020033	Lê Mai	Phượng	K23A ĐH QTKD	KT-QTKD	22.10
124	2064020039	Phạm Văn	Tân	K23A ĐH QTKD	KT-QTKD	23.00
125	2064020058	Nguyễn Đình	Dinh	K23B ĐH QTKD	KT-QTKD	22.50
126	2064020061	Lê Thị	Duyên	K23B ĐH QTKD	KT-QTKD	22.55
127	2064020065	Lê Đình	Hiếu	K23B ĐH QTKD	KT-QTKD	23.40
128	2064020067	Nguyễn Thị Vân	Hồng	K23B ĐH QTKD	KT-QTKD	21.40
129	2064020072	Lê Thị Ngọc	Lan	K23B ĐH QTKD	KT-QTKD	21.20
130	2064020079	Trần Đại	Nhân	K23B ĐH QTKD	KT-QTKD	23.20
131	2064020086	Phạm Như	Quỳnh	K23B ĐH QTKD	KT-QTKD	21.75
132	2064020092	Lê Thị	Thùy	K23B ĐH QTKD	KT-QTKD	21.60
133	2064020093	Lương Huyền	Trang	K23B ĐH QTKD	KT-QTKD	21.70
134	2064020094	Phạm Quốc	Trung	K23B ĐH QTKD	KT-QTKD	21.95
135	2064020096	Hoàng Văn	Tuấn	K23B ĐH QTKD	KT-QTKD	22.70
136	2064020098	Nguyễn Tuấn	Vũ	K23B ĐH QTKD	KT-QTKD	22.55
137	2064020107	Nguyễn Thị	Như	K23B ĐH QTKD	KT-QTKD	23.15
138	2064020109	Nguyễn Thị	Nhung	K23B ĐH QTKD	KT-QTKD	22.80
139	2064020113	Nguyễn Trọng	Đức	K23B ĐH QTKD	KT-QTKD	22.10
140	2064030004	Lường Quốc	Đạt	K23 TCNH	KT-QTKD	23.70
141	2064030007	Mai Thị	Huyền	K23 TCNH	KT-QTKD	23.00
142	2064030008	Hoàng Thị Xuân	Mai	K23 TCNH	KT-QTKD	22.15
143	2064030010	Đỗ Quỳnh	Nga	K23 TCNH	KT-QTKD	21.55
144	2064030015	Lê Minh	Quang	K23 TCNH	KT-QTKD	21.80
145	2064030017	Lê Ngọc	Sơn	K23 TCNH	KT-QTKD	21.35

(Ấn định danh sách này có 145 sinh viên)

KT. HIỆU TRƯỞNG
PHÓ HIỆU TRƯỞNG

TRƯỜNG ĐẠI HỌC HỒNG ĐỨC

Lê Hoàng Bá Huyền

UBND TỈNH THANH HÓA
TRƯỜNG ĐẠI HỌC HỒNG ĐỨC

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

DANH SÁCH SINH VIÊN ĐƯỢC MIỄN HỌC PHÍ HỌC KỲ I, NĂM HỌC 2020-2021
(Ban hành kèm theo QĐ số: 1956/QĐ-ĐHHĐ ngày 30/11/2020 của Hiệu trưởng)

TT	Mã số SV	Họ và	tên	Lớp	Khoa	Tổng điểm 3 môn
1	2069080014	Vũ Văn	Công	K23 ĐH Du lịch	KHXH	25.75
2	2067020012	Nguyễn Thị	Linh	K23A ĐH NN Anh	Ngoại ngữ	24.45
3	2063020032	Trương Khắc	Sơn	K23 ĐH CNTY	NLNN	25.10
4	2061030013	Nguyễn Huy	Hoàng	K23 ĐH CNTT	CNTT-TT	24.45
5	2061030025	Phạm Minh	Quân	K23 ĐH CNTT	CNTT-TT	24.03
6	2061030036	Nguyễn Viết	Trưởng	K23 ĐH CNTT	CNTT-TT	25.55
7	2061030039	Lê Ngọc	Vinh	K23 ĐH CNTT	CNTT-TT	24.05
8	2068010004	Trần Văn	Hiếu	K23 ĐH Luật	LLCT-Luật	24.50
9	2068010011	Nguyễn Trần Linh	Linh	K23 ĐH Luật	LLCT-Luật	25.50
10	2068010014	Lê Mạnh	Tân	K23 ĐH Luật	LLCT-Luật	26.85
11	2068010009	Nguyễn Ngọc	Khánh	K23 ĐH Luật	LLCT-Luật	25.00
12	2064010005	Hoàng Thị	Bình	K23A ĐHKT	KT-QTKD	24.75
13	2064010018	Nguyễn Thu	Huyền	K23A ĐHKT	KT-QTKD	24.35
14	2064010026	Trịnh Thị	Ngọc	K23A ĐHKT	KT-QTKD	24.35
15	2064010027	Mạch Thị	Nguyệt	K23A ĐHKT	KT-QTKD	25.10
16	2064010036	Nguyễn Thị Như	Quỳnh	K23A ĐHKT	KT-QTKD	24.30
17	2064010039	Trần Thị	Thảo	K23A ĐHKT	KT-QTKD	25.15
18	2064010048	Lê Thị	Trang	K23A ĐHKT	KT-QTKD	26.00
19	2064010206	Bùi Ngọc	Anh	K23A ĐHKT	KT-QTKD	24.05
20	2064010074	Nguyễn Hải	Ly	K23B ĐHKT	KT-QTKD	25.65
21	2064010080	Nguyễn Thị Tuyết	Nhi	K23B ĐHKT	KT-QTKD	24.60
22	2064010097	Phạm Thị	Trang	K23B ĐHKT	KT-QTKD	24.75
23	2064010098	Trịnh Thị	Trang	K23B ĐHKT	KT-QTKD	26.15
24	2064010114	Nguyễn Thị	Hằng	K23C ĐHKT	KT-QTKD	25.50
25	2064010120	Đỗ Thùy	Linh	K23C ĐHKT	KT-QTKD	24.25
26	2064010148	Đỗ Quang	Tú	K23C ĐHKT	KT-QTKD	24.70
27	2064010210	Lê Thị	Lan	K23C ĐHKT	KT-QTKD	24.35
28	2064010211	Lê Thị	Nhung	K23C ĐHKT	KT-QTKD	26.30
29	2064010164	Văn Thị	Hiền	K23D ĐHKT	KT-QTKD	25.35
30	2064010174	Lê Thị	Nga	K23D ĐHKT	KT-QTKD	24.00
31	2064010186	Ngô Yến	Quỳnh	K23D ĐHKT	KT-QTKD	25.90
32	2064010190	Nguyễn Thị	Thương	K23D ĐHKT	KT-QTKD	25.05

TT	Mã số SV	Họ và	tên	Lớp	Khoa	Tổng điểm 3 môn
33	2064020028	Nguyễn Thị	Nga	K23A ĐH QTKD	KT-QTKD	25.85
34	2064020036	Hoàng Như	Quỳnh	K23A ĐH QTKD	KT-QTKD	24.00
35	2064020056	Vũ Trọng	Đại	K23B ĐH QTKD	KT-QTKD	24.65
36	2064020085	Lê Thị	Quỳnh	K23B ĐH QTKD	KT-QTKD	24.00
37	2064020101	Lê Thị	Tâm	K23B ĐH QTKD	KT-QTKD	26.00
38	2064030011	Hoàng Thị	Nhung	K23 TCNH	KT-QTKD	25.10
39	2064030012	Nguyễn Đình	Phi	K23 TCNH	KT-QTKD	25.15
40	2064030014	Nguyễn Huy	Quang	K23 TCNH	KT-QTKD	24.30

(Ấn định danh sách này có 40 sinh viên)

KT. HIỆU TRƯỞNG
PHÓ HIỆU TRƯỞNG

ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH THANH HÓA
TRƯỜNG ĐẠI HỌC HỒNG ĐỨC

Lê Hoằng Bá Huyền